

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 29-7-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Lê Thị Mỹ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Danh H, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A đường T, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Danh H quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/01/2013. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng khoảng từ tháng 12/2024 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên bà muốn ly hôn với ông H.

Bà L xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung là Danh Minh N, sinh ngày 18/09/2012 và Danh Trí T, sinh ngày 08/03/2019.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Danh H; Về con chung: Bà tự nguyện giao 02 con chung là cháu Danh Minh N và Danh Trí T cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Danh H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về việc kết hôn và con chung. Thời gian trước đây ông phải đi làm, không dành nhiều thời gian chăm sóc gia đình nên bà L không hài lòng. Ông xác định tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, ông vẫn còn yêu thương vợ con nên không muốn ly hôn.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về vấn đề ly hôn, thì ông thống nhất với yêu cầu về con chung của bà L là ông trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Danh Minh N, Danh Trí T và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Danh H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Danh H là bị đơn cư trú tại phường R, tỉnh An Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Danh H tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay

là phường V, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/01/2013, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Tại phiên tòa hai bên xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, thiếu tôn trọng lẫn nhau, nguyên nhân chủ yếu về vấn đề kinh tế gia đình; ngoài ra ông H thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình, dẫn đến tình cảm hôn nhân rạn nứt kéo dài, vợ chồng đã chính thức sống ly thân được khoảng 03 tháng.

Về phía bà L xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và bà không còn tình cảm với ông H nên muốn chấm dứt hôn nhân. Ông H lại khẳng định vẫn còn yêu thương vợ và muốn cho các con có được sự chăm sóc đầy đủ của cả cha lẫn mẹ nên ông không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện trong hôn nhân gia đình là rất quan trọng, điều này là yếu tố quyết định cuộc hôn nhân có bền vững và hạnh phúc hay không; nếu một bên không đồng ý tiếp tục hôn nhân thì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay qua hòa giải, động viên bà L vẫn kiên quyết ly hôn với ông H, do đó dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L và ông H thống nhất xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung là Danh Minh N, sinh ngày 18/09/2012 và Danh Trí T, sinh ngày 08/03/2019; hiện tại hai cháu đang ở cùng với ông H. Bà L và ông H thống nhất giao cháu N và cháu T cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông H không có yêu cầu.

Ông H cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Các lời khai của bà L và ông H đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các lời khai của bà L và ông H đều thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014386 ngày 26/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – An Giang), **bà L** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Danh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Danh H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Danh Minh N, sinh ngày 18/09/2012 và Danh Trí T, sinh ngày 08/03/2019 cho ông Danh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014386 ngày 26/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm